

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ DẦU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2019/DS-ST
Ngày: 18-6-2019
“Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Vân Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thái Kim Thành

2. Ông Đoàn Thế Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Mỹ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Trần Anh Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số 314/2018/TLST-DS ngày 19 tháng 12 năm 2018, về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2019/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng V. Địa chỉ: phố L, phường H, quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T - Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền thường xuyên: Ông Trương Văn Út H - Chức vụ: Giám đốc Phòng Giao dịch Ngân hàng D.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Thành L - Phó Giám đốc. Theo văn bản ủy quyền ngày 20-9-2018 “Vắng mặt”.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Thanh L, sinh năm: 1976. Địa chỉ: Tổ 15, ấp N, xã B, huyện G, tỉnh Tây Ninh “Vắng mặt”.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Đàm Thị T, sinh năm: 1982. Địa chỉ: ấp T, xã Th, huyện G, tỉnh Tây Ninh “Vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Thành L trình bày: Vào ngày 11-4-2013, Ngân hàng V (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) có cho hộ anh Nguyễn Thanh L và chị Đàm Thị T vay số tiền vốn là 8.000.000 đồng, theo chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn; lãi suất trong hạn là 0,9%/tháng, lãi suất quá hạn là 130% của lãi suất trong hạn. Thời hạn vay 60 tháng, hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 23-3-2018, kỳ hạn trả nợ là 06 tháng trả 01 lần với số tiền 800.000 đồng, tiền lãi được trả vào ngày 23 hàng tháng. Khi vay anh L và chị T không có thế chấp tài sản. Anh L là người đứng tên vay, chị T là người thừa kế. Hộ gia đình của anh L và chị T tại thời điểm vay chỉ có anh L và chị T ngoài ra không còn người nào khác.

Sau khi vay anh L và chị T không trả đúng hạn cho Ngân hàng. Cụ thể: anh chị chỉ trả lãi trong hạn được đến ngày 23-10-2017 với tổng số tiền 3.967.200 đồng, phần vốn cùng số lãi còn lại đến nay chưa trả được khoản nào cả.

Nay Ngân hàng yêu cầu anh L và chị T cùng có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số nợ vốn là 8.000.000 đồng cùng phần lãi suất trong hạn từ ngày vay đến ngày 23-3-2018 còn nợ lại là 357.436 đồng, lãi quá hạn từ ngày 24-3-2018 đến ngày 18-6-2019 là 1.390.922 đồng, tổng lãi là 1.748.358 đồng. Tổng số nợ là 9.748.358 đồng. Phần lãi suất từ ngày 19-6-2019 được tiếp tục tính theo hợp đồng vay vốn ký ngày 08-11-2013 giữa Ngân hàng với anh L và chị T cho đến khi anh L và chị T trả hết nợ.

Chị T và anh L đã ly hôn vào năm 2014, khi anh chị ly hôn Ngân hàng không biết thông tin này nên không có yêu cầu giải quyết số nợ.

Do khi cho vay Ngân hàng không có chia theo phần số tiền cho vay từng người, số nợ này phát sinh trong thời kỳ hôn nhân nên Ngân hàng yêu cầu anh L và chị T cùng liên đới có nghĩa vụ trả nợ. Tức ai có điều kiện trả nợ thì Ngân hàng yêu cầu thu hồi toàn bộ số nợ và không yêu cầu anh chị có nghĩa vụ trả nợ riêng rẽ theo phần của từng người.

Bị đơn anh Nguyễn Thanh L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để làm việc nhưng anh vắng mặt không có lý do chính đáng nên Tòa án không thu thập được chứng cứ (lời khai) từ anh L.

Tại biên lấy lời khai ngày 04 tháng 4 năm 2019, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Đàm Thị T trình bày: Trước đây chị là vợ của anh L. Vào năm 2013 chị và anh L có vay khoản tiền 8.000.000 và còn nợ lại cả vốn và lãi như Ngân hàng trình bày và yêu cầu là đúng. Năm 2014 vợ chồng chị ly hôn và không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề tài sản chung cũng như nợ chung. Hiện tại chị đã có chồng khác.

Sau khi ly hôn vợ chồng chị còn nợ rất nhiều người, trong đó có người khởi kiện và Tòa án đã chia đôi chị và anh L mỗi người có nghĩa vụ trả 13.500.000 đồng.

Đối với số nợ của những người không có khởi kiện: Chị đã trả và vẫn đang phải trả khoản nợ hui là 40.000.000 đồng. Ngoài ra, chị đã trả xong 01 khoản nợ khác là 43.000.000 đồng tại Ngân hàng S. Vì vậy, chị không đồng ý cùng với anh L có nghĩa vụ trả nợ, chị yêu cầu 01 mình anh L có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số nợ này.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu tham gia phiên tòa phát biểu: Từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng theo pháp luật tố tụng dân sự. Đối với ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Thanh L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến dự phiên tòa lần 2 mà vắng mặt không có lý do chính đáng; đại diện Ngân hàng và chị Đàm Thị T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử trong trường hợp các đương sự vắng mặt là phù hợp với Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Đại diện Ngân hàng và chị Đàm Thị T thống nhất: Ngày 11-4-2013, anh Nguyễn Thanh L và chị Đàm Thị T vay tại Ngân hàng số tiền vốn là 8.000.000 đồng, hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 23-3-2018. Sau khi vay anh L và chị T chỉ trả lãi được đến ngày 23-10-2017 với tổng số tiền 3.967.200 đồng, phần vốn cùng số lãi còn lại đến ngày 18-6-2019 là 9.748.358 đồng, anh chị chưa trả được khoản nào cả nên Hội đồng xét xử cần ghi nhận là có căn cứ theo Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng.

[2.2] Chị T thừa nhận khoản nợ này là nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân. Nhưng chị không đồng ý trả nợ mà yêu cầu 01 mình anh L có nghĩa vụ trả là không có căn cứ. Bởi lẽ Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình quy định vợ chồng phải cùng có nghĩa vụ về tài sản phát sinh từ giao dịch do vợ chồng cùng thỏa thuận xác lập.

[2.3] Việc chị T cho rằng do một mình chị đã và đang trả nợ chung của vợ chồng cho các khoản nợ khác nên chị không đồng ý cùng anh L trả khoản nợ này cho Ngân hàng cũng không có căn cứ. Bởi lẽ, các khoản nợ mà chị cho rằng đã trả là do chị tự nguyện trả và không yêu cầu anh L cùng có nghĩa vụ phải trả. Đồng thời, khi phát sinh tranh chấp (nếu có) chị có thể khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết giải quyết trong vụ án khác. Vì vậy, căn cứ vào Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng, Hội đồng xét xử cần buộc chị T cùng anh L có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng số tiền 9.748.358 đồng; Phần lãi suất được tiếp tục tính từ ngày 19-6-2019, theo hợp đồng vay vốn ngày 08-11-2013 mà các bên đã ký kết tại Ngân hàng cho đến khi anh L và chị T trả hết nợ là phù hợp.

[2.3] Về nghĩa vụ của từng người (anh L và chị T) đối với số nợ phải trả: Xét thấy, đây là nợ chung của anh chị trong thời kỳ hôn nhân, sau khi vay khoản tiền này thì quyền sở hữu của anh chị ngang nhau và đây là quyền sở hữu chung hợp nhất chưa phân chia. Vì vậy, khi phát sinh nghĩa vụ thì không thể xác định được nghĩa vụ cụ thể riêng rẽ của từng người. Căn cứ vào Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình và Điều 288 Bộ luật Dân sự, Hội đồng xét xử cần buộc anh chị cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng số nợ trên là phù hợp.

[3] Như nhận định trên, toàn bộ đề xuất của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu là có căn cứ, Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Buộc anh L và chị T có nghĩa vụ nộp 487.500 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 92 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 288 Bộ luật Dân sự, Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng, các điều 27 và 37 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V đối với anh Nguyễn Thanh L và chị Đàm Thị T.

Buộc anh Nguyễn Thanh L và chị Đàm Thị T có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng V số tiền 9.748.358 đồng (bao gồm 8.000.000 đồng vốn và 1.748.358 đồng lãi).

2. Phần lãi suất được tiếp tục tính từ ngày 19-6-2019, theo hợp đồng vay vốn ngày 08-11-2013 được ký kết giữa Ngân hàng V với anh L và chị T cho đến khi anh L và chị T trả hết nợ.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc anh Nguyễn Thanh L và chị Đàm Thị T có nghĩa vụ nộp 487.500 đồng.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- CC THADS huyện Gò Dầu;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Vân Quỳnh